

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ

Số: 4731/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Buôn Hồ, ngày 28 tháng 09 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy chế:

Tạo lập, quản lý, sử dụng vốn ủy thác từ ngân sách thị xã, qua phòng
Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã, để cho vay đối với hộ nghèo và
các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của trưởng phòng Tài chính-KH thị xã, Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Buôn Hồ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy chế tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ Ngân sách thị xã ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thị xã Buôn Hồ;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính-KH, Giám đốc phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã, thủ trưởng các cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Đã*

Nơi nhận: *Kế*

- Chủ tịch, các phó chủ tịch UBND;
- Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Buôn Hồ;
- Như điều 3;
- Lưu Vp: HD-UBND thị xã.



Phạm Thái



ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tạo lập, quản lý, sử dụng vốn ủy thác từ ngân sách thị xã, qua phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã, để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4331/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2010 của UBND thị xã)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thực hiện chương trình mục tiêu xóa đói, giảm nghèo và tạo việc làm tại địa phương, Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã trích nguồn vốn Ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác để phát triển sản xuất, kinh doanh, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định đời sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn.

Điều 2. Nguồn vốn từ Ngân sách thị xã ủy thác cho phòng Giao dịch NHCSXH giải ngân, quản lý, sử dụng theo quy định của NHCSXH và tại quy chế này.

Điều 3. Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng, tham ô, chây ỳ không trả nợ gốc, lãi và sử dụng vốn từ Ngân sách thị xã không đúng mục đích. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật. Riêng các trường hợp vay vốn bị rủi ro được xử lý theo quy định của NHCSXH và tại quy chế này.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ chế tạo lập nguồn vốn:

Hàng năm căn cứ vào mục tiêu xóa đói, giảm nghèo và tạo việc làm, NHCSXH chủ động phối hợp cùng phòng Lao động Thương binh xã hội, phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu, đề xuất UBND bổ sung nguồn vốn từ ngân sách để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trong năm kế hoạch. UBND thị xã sẽ xem xét và có Quyết định giao vốn cụ thể theo từng năm hoặc đột xuất (nếu có).

Điều 5. Cơ chế cho vay:

Trường hợp 1: Đối với cho vay từ quỹ giải quyết việc làm địa phương được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn vay của Quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/1/2008 của Thủ tướng

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005; Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính và hướng dẫn quy trình, thủ tục của NHCSXH.

Trường hợp 2: Đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện theo Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của NHCSXH.

Trường hợp 3: Đối với đối tượng chính sách theo quy định đặc thù của địa phương: Căn cứ vào Hướng dẫn cho vay hiện hành của NHCSXH để quy định cụ thể cho các mục sau:

1. Nguồn vốn cho vay: Quỹ cho vay xóa đói giảm nghèo thị xã Buôn Hồ.
2. Địa bàn cho vay: Trên địa bàn thị xã Buôn Hồ.
3. Đối tượng thụ hưởng: Hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.
4. Điều kiện vay vốn: Thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của NHCSXH.
5. Mục đích sử dụng vốn vay: Thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của NHCSXH.
6. Mức cho vay tối đa: Thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của NHCSXH.
7. Thời hạn cho vay: Thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của NHCSXH.
8. Lãi suất cho vay theo quy định của Chính phủ; Lãi suất nợ quá hạn: 130% (Nên áp dụng mức lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quy định).
9. Quy trình, thủ tục cho vay: Thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của NHCSXH.
10. Quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay: Thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của NHCSXH.

Điều 6. Hoạch toán, theo dõi:

Việc ghi chép, hoạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ cho vay được theo dõi trên tài khoản riêng theo quy định của NHCSXH.

Điều 7. Phân phối và sử dụng lãi thu được từ nguồn vốn ủy thác.

1. Lãi thu được từ nguồn vốn ủy thác được sử dụng để chi trả phí ủy thác, hoa hồng; trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; bù đắp chi phí hoạt động nghiệp vụ, chi phí quản lý của NHCSXH và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến đối tượng vay từ nguồn vốn ủy thác.

2. Hàng quý, căn cứ vào số lãi thu được để tính toán phân bổ cho các mục sau:

Trường hợp 1: Đối với cho vay từ quỹ giải quyết việc làm địa phương được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính.

Trường hợp 2: Đối với cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác:

Lãi suất cho vay theo chế độ lãi suất ưu đãi hộ nghèo do Chính phủ quy định hoặc do chủ đầu tư quyết định nhưng phải bù đắp đủ các chi phí sau đây:

- Chi trả hoa hồng cho Tổ tiết kiệm và vay vốn, chi trả phí ủy thác cho tổ chức Hội nhận ủy thác cho vay.

- Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối thiểu bằng tỉ lệ trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của NHCSXH (Theo Thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 01/4/2005 của Bộ Tài chính).

- Trường hợp rủi ro bất khả kháng mà hộ vay không có khả năng trả nợ (cả gốc và lãi) và được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho miễn, giảm lãi, hoặc quỹ dự phòng rủi ro được trích lập không đủ chi trả thì Chủ tịch UBND thị xã xem xét để cấp kinh phí bù đắp hoặc giảm trừ nguồn vốn cho vay.

- Bù đắp chi phí quản lý của NHCSXH tối thiểu 30% lãi suất cho vay. Có thể trích một phần chi phí cho hoạt động và khen thưởng Ban Đại diện HĐQT NHCSXH nhưng tối đa bằng 10% lãi suất thực thu.

Điều 8. Xử lý rủi ro tín dụng

1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro: Chỉ xử lý đối với các trường hợp do nguyên nhân khách quan.

2. Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro, biện pháp xử lý nợ bị rủi ro, thời điểm xem xét xử lý rủi ro, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg ngày 04/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xử lý nợ bị rủi ro của NHCSXH và Thông tư số 65/2005/TT-BTC ngày 16/8/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg.

3. Về thẩm quyền xử lý rủi ro:

a) Đối với rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra trên diện rộng do Chủ tịch UBND thị xã quyết định;

b) Đối với rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra thuộc diện đơn lẻ, cục bộ:

- Trường ban Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã quyết định đối với việc giảm lãi vay, miễn lãi vay;

- Chủ tịch UBND thị xã quyết định đối với việc xóa nợ (gốc và lãi).

4. Về nguồn vốn xử lý rủi ro:

a) Đối với rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra trên diện rộng: Do chủ tịch UBND thị xã quyết định;

b) Đối với rủi ro do nguyên nhân khách quan xảy ra thuộc diện đơn lẻ, cục bộ: Được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro trích từ lãi thu được của nguồn vốn ngân sách thị xã. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro được trích lập không đủ thì Chủ tịch UBND thị xã xem xét, xử lý quyết định cấp kinh phí bù đắp hoặc giảm trừ nguồn vốn cho vay.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Chủ trì, phối hợp với phòng Lao động Thương binh và Xã hội, thực hiện kiểm tra tình hình và kết quả sử dụng nguồn vốn ngân sách ủy thác;

- Chủ trì, phối hợp với phòng Lao động Thương binh và Xã hội thẩm định hồ sơ hộ nghèo vay vốn bị rủi ro, phúc tra và lập thủ tục xử lý báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi thu được theo Điều 7 Quy chế này;

2. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với phòng Tài chính - KH kiểm tra tình hình và kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

- Phối hợp cùng phòng Tài chính – KH thẩm định hồ sơ hộ nghèo vay vốn bị rủi ro, phúc tra và lập thủ tục xử lý báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

3. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội.

4. Phòng Giao dịch NHCSXH

- Quản lý và sử dụng vốn ủy thác theo đúng chế độ nhà nước hiện hành;

- Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng một cách hiệu quả;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định của chế độ Nhà nước;

- Định kỳ hàng năm có báo cáo kết quả thực hiện cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND thị xã, phòng Tài chính – KH, phòng Lao động – Thương binh và Xã hội.

5. Ủy ban nhân dân thị xã

Chỉ đạo các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và phòng Giao dịch Chính sách xã hội thị xã thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

6. UBND xã, phường

- Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng cho vay;
- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc thu hồi nợ;
- Có ý kiến về đề nghị người vay đối với trường hợp xin gia hạn nợ, xử lý nợ rủi ro; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp trên trong việc phúc tra, xác định hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

Điều 10. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 11. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị địa phương cần phản ánh kịp về phòng Tài chính - KH, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp nghiên cứu, đề xuất UBND sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo sử dụng vốn ủy thác đúng mục đích, có hiệu quả. / ĐK

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ^{USAR}



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ỦY THÁC ĐẦU TƯ

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14/06/2005;

- Căn cứ Quyết định số 4331/QĐ- UBND, ngày 28 tháng 9 năm 2010 của Chủ tịch UBND thị xã về việc giao vốn ủy thác đầu tư qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thị xã Buôn Hồ;

Hôm nay, ngày 25 tháng 09 năm 2010, tại UBND thị xã Buôn Hồ, chúng tôi gồm:

1. Bên ủy thác đầu tư: UBND Thị xã Buôn Hồ (Sau đây gọi là bên A)

Địa chỉ : 02 Trần Hưng Đạo- Thị xã Buôn Hồ

Điện thoại : 0500.3872456

Tài khoản số: 321.04

Mở tại: Kho bạc Nhà nước Buôn Hồ

Đại diện bởi Ông (Bà):Phạm Thái

Chức vụ:Chủ tịch UBND Thị xã Buôn Hồ

2. Bên nhận ủy thác đầu tư: Phòng giao dịch NHCS Xã hội thị xã (Sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ: Đường Lê Hồng Phong- Thị xã Buôn Hồ

Điện thoại: 0500.3870908

Tài khoản số: 5208204000076

Mở tại: Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT thị xã Buôn Hồ

Đại diện bởi Ông (Bà): Trương Quang Minh

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng ủy thác đầu tư với các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung ủy thác đầu tư

Bên A ủy thác cho bên B quản lý, sử dụng vốn để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo các quy định tại Điều 3 hợp đồng này.

Điều 2. Số tiền, lãi suất, thời hạn

3.1. Số tiền ủy thác : 600.000.000đ Bằng chữ (Sáu trăm triệu đồng chẵn)

3.2. Thời hạn ủy thác : Không xác định thời hạn

3.3. Lãi suất ủy thác : 0%

Điều 3. Cơ chế cho vay từ nguồn vốn ủy thác đầu tư :

Trường hợp 1 : Đối với cho vay từ quỹ giải quyết việc làm địa phương được thực hiện theo quy định tại Quyết định 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn vay của Quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/1/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 ; Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính và hướng dẫn quy trình, thủ tục của NHCSXH.

Trường hợp 2 : Đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện theo Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của NHCSXH.

Trường hợp 3 : Đối với đối tượng chính sách theo quy định đặc thù của địa phương: Căn cứ vào Hướng dẫn cho vay hiện hành của NHCSXH để quy định cụ thể cho các mục sau:

1. Nguồn vốn cho vay: Quỹ cho vay xóa đói giảm nghèo thị xã Buôn Hồ;
2. Địa bàn cho vay: Trên địa bàn thị xã Buôn Hồ;
3. Đối tượng thụ hưởng: Hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;
4. Điều kiện vốn vay: Thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội;
5. Mục đích sử dụng vốn vay: Thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của Ngân hàng chính sách;
6. Mức cho vay tối đa: Thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội;
7. Thời hạn vay: Thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội;
8. Lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn (Áp dụng mức lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo do Thủ tướng Chính phủ quy định).
9. Quy trình thủ tục cho vay: Thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của Ngân hàng chính sách

10. Quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay: Thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội;

Điều 4. Phân phối và sử dụng lãi thu được từ nguồn vốn ủy thác

1. Lãi thu được từ nguồn vốn ủy thác được sử dụng để chi trả phí ủy thác, hoa hồng; trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; bù đắp chi phí hoạt động nghiệp vụ, chi phí quản lý của bên B và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến đối tượng vay từ nguồn vốn ủy thác;

2. Hàng quý, căn cứ vào số lãi thu được để tính toán phân bổ cho các mục sau:

Trường hợp 1: Đối với cho vay từ quỹ giải quyết việc làm địa phương được thực hiện theo quy định tại Thông tư 73/2008/TT-BTC của 01/8/2008 của Bộ Tài chính.

Trường hợp 2: Đối với cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác:

Lãi suất cho vay theo chế độ lãi suất ưu đãi hộ nghèo do Chính phủ quy định hoặc do chủ đầu tư quyết định nhưng phải bù đắp đủ các chi phí sau đây:

- Chi trả hoa hồng cho tổ tiết kiệm và vay vốn, chi trả phí ủy thác cho tổ chức Hội nhận ủy thác cho vay.

- Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối thiểu bằng tỷ lệ trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của NHCSXH (Theo Thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 01/4/2005 của Bộ Tài chính).

- Trường hợp rủi ro bất khả kháng mà hộ vay được chủ đầu tư cho miễn, giảm lãi, hoặc quỹ dự phòng rủi ro được trích lập không đủ thì chủ đầu tư phải cấp kinh phí bù đắp hoặc giảm trừ nguồn vốn cho vay.

- Bù đắp chi phí quản lý của NHCSXH tối thiểu 30% lãi suất cho vay. Có thể trích một phần chi phí cho hoạt động và khen thưởng Ban Đại diện HĐQT NHCSXH nhưng tối đa bằng 10% lãi suất thực thu.

Điều 5: Xử lý rủi ro tín dụng

1. Phạm vi bị xử lý nợ bị rủi ro: Chỉ xử lý đối với các trường hợp do nguyên nhân khách quan.

2. Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro, biện pháp xử lý nợ bị rủi ro, thời điểm xem xét xử lý rủi ro, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg ngày 04/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội và Thông tư số 65/2005/TT-BTC ngày 16/8/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 69/2005/QĐ-TTg.

3. Về thẩm quyền xử lý rủi ro:

Việc xử lý rủi ro do Chủ tịch UBND thị xã quyết định. Trên cơ sở đề nghị của bên B, bên A có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND thị xã xem xét, xử lý.

4. Về nguồn vốn xử lý rủi ro:

Sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trích từ lãi thu được của nguồn vốn uỷ thác đầu tư. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro được trích lập không đủ thì bên A cấp kinh phí bù đắp hoặc thống nhất giảm trừ nguồn vốn cho vay.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

6.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Trong vòng 5 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên A chuyển số tiền ghi tại điều 2 hợp đồng vào tài khoản bên B;
- Định kỳ hàng năm được Bên B cung cấp thông tin về cho vay từ nguồn vốn uỷ thác đầu tư;
- Thực hiện đúng cam kết tại Hợp đồng này.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Mở tài khoản hạch toán kế toán riêng để theo dõi số tiền uỷ thác của Bên A và số tiền cho vay từ vốn uỷ thác;
- Thực hiện phân phối lãi thu được theo quy định tại Điều 4;
- Bên B được uỷ thác bán phần qua các Tổ chức chính trị xã hội và uỷ nhiệm một số công đoạn cho Tổ tiết kiệm và vay vốn theo hướng dẫn cụ thể của bên B;
- Hàng năm bên B cung cấp cho bên A báo cáo cho vay từ nguồn vốn uỷ thác;
- Thực hiện đúng cam kết tại hợp đồng này.

Điều 7: Điều khoản chung.

Hai bên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã quy định trong hợp đồng này. Mọi tranh chấp phát sinh giữa hai bên sẽ được giải quyết bằng thương lượng. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc thì phải thông báo cho nhau biết để cùng bàn bạc, tìm biện pháp xử lý thích hợp;

Hợp đồng này thay thế cho Hợp đồng số 01/2009/NHCSXH ngày 01/09/2009 về giao nhận vốn uỷ thác giữa UBND thị xã Buôn Hồ với phòng Giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Krông Búk (cũ);

Hợp đồng này được lập thành (04) bản, có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ (02) bản, bên B giữ (02) bản. *OK*



ĐẠI DIỆN BÊN B

Trương Quang Minh



ĐẠI DIỆN BÊN A
CHỦ TỊCH

Phạm Thái